

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014
quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

**PHỤ LỤC HỆ THỐNG BIỂU, MẪU VĂN BẢN TRONG QUY HOẠCH,
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH,
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập,
điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)*

(Tiếp theo Công báo số 717 + 718)

Phụ lục số 07

**Mẫu quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

STT	Tên mẫu
1	Mẫu 7.1/QĐ-UBND: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ quy hoạch của cấp huyện
2	Mẫu 7.2/QĐ-UBND: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ điều chỉnh quy hoạch của cấp huyện
3	Mẫu 7.3/QĐ-UBND: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng hàng năm của cấp huyện

Mẫu 7.1/QĐ-UBND**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../QĐ-UBND

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và
kế hoạch năm đầu của huyện (quận, thị xã, thành phố)...****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... tại Tờ trình số.../TTr-UBND ngày... tháng... năm...; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số... ngày...tháng... năm...,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm... của huyện (quận, thị xã, thành phố)... với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 20...

1.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất ⁽¹⁾	Hiện trạng năm...		Quy hoạch đến năm...			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)

⁽¹⁾ Chỉ tiêu sử dụng đất xác định theo Phụ lục số 03 của Thông tư này.

1.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

1.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm... tỷ lệ..., Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm... và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của huyện (quận, thị xã, thành phố)...

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm đầu của huyện (quận, thị xã, thành phố)... với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

2. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

Điều 3. Căn cứ vào Điều 1 và Điều 2 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)...., Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- ...

- ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Mẫu 7.2/QĐ-UBND**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../QĐ-UBND

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...**Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm...
và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch
huyện (quận, thị xã, thành phố)...****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... tại Tờ trình số.../TTr-UBND ngày... tháng... năm...; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số...ngày... tháng... năm...,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm... của huyện (quận, thị xã, thành phố)... với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 20...

1.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất ⁽²⁾	Hiện trạng năm...		Điều chỉnh quy hoạch đến năm...			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)

⁽²⁾ Chỉ tiêu sử dụng đất xác định theo Phụ lục số 03 của Thông tư này.

1.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

1.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng được xác định theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm... tỷ lệ..., Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm... và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện (quận, thị xã, thành phố)...

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch sử dụng năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện (quận, thị xã, thành phố)... với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

Điều 3. Căn cứ vào Điều 1, Điều 2 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... có trách nhiệm:

1. Công bố công khai điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)...., Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- ...

- ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Mẫu 7.3/QĐ-UBND**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../QĐ-UBND

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm...
của huyện (quận, thị xã, thành phố)...****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... tại Tờ trình số.../TTr-UBND ngày... tháng... năm...; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số...ngày...tháng...năm...,

QUYẾT ĐỊNH**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm... của huyện (quận, thị xã, thành phố)... với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất ⁽³⁾	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

⁽³⁾ Chỉ tiêu sử dụng đất được xác định theo Phụ lục số 03 của Thông tư này.

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)...., Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- ...

- ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục số 08

Mẫu báo cáo về việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm
(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN...⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../BC-UBND

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁOVề việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm của... ⁽¹⁾**Kính gửi:.....⁽²⁾.**

Ủy ban nhân dân... ⁽¹⁾ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm tính đến ngày 31 tháng 12 năm... như sau:

1. Tình hình lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các đơn vị hành chính cấp dưới (nếu có).

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất (theo các chỉ tiêu kế hoạch đã được phê duyệt, đặc biệt đối với chỉ tiêu đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ).

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất.

2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất.

2.3. Kết quả thực hiện kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

2.4. Kết quả thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án (có danh mục công trình, dự án kèm theo).

(Báo cáo phải xác định rõ các chỉ tiêu sử dụng đất và các công trình, dự án từ năm trước chuyển sang; các chỉ tiêu sử dụng đất và công trình, dự án chuyển sang năm sau hoặc công bố hủy bỏ).

3. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

4. Kết luận, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

⁽¹⁾ Cơ quan lập báo cáo.

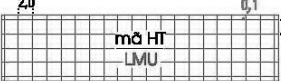
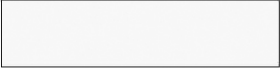
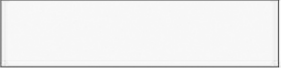
⁽²⁾ Cơ quan nhận báo cáo.

Phụ lục số 09

Các ký hiệu và hình thức thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ kế hoạch sử dụng đất
(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Danh mục
1	9.1. Ký hiệu thể hiện loại đất trên bản đồ cấp quốc gia.
2	9.2. Ký hiệu thể hiện loại đất trên bản đồ cấp tỉnh.
3	9.3. Ký hiệu thể hiện loại đất trên bản đồ cấp huyện.
4	9.4. Màu ký hiệu loại đất trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ kế hoạch sử dụng đất.
5	9.5. Mẫu xác nhận bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp quốc gia.
6	9.6. Mẫu xác nhận và ký duyệt bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia.
7	9.7. Mẫu xác nhận và ký duyệt bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh.
8	9.8. Mẫu xác nhận và ký duyệt bản đồ quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.
9	9.9. Mẫu xác nhận và ký duyệt bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện.
10	9.10. Mẫu xác nhận và ký duyệt bản đồ quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

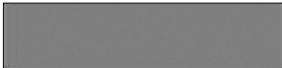
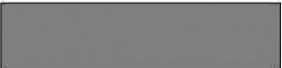
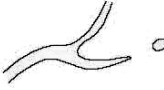
9.1. KÝ HIỆU THỂ HIỆN LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ CẤP QUỐC GIA

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU	
	HIỆN TRẠNG ¹	QUY HOẠCH
Đất trồng lúa		
Đất chuyên trồng lúa nước		
Đất rừng phòng hộ		
Đất rừng đặc dụng		
Đất rừng sản xuất		
Đất nuôi trồng thủy sản		
Đất làm muối		
Các loại đất nông nghiệp còn lại *		
Đất quốc phòng		
Đất an ninh		
Đất khu công nghiệp		
Đất khu chế xuất		
Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia		
Đất có di tích lịch sử - văn hóa		

Ghi chú: (1) Các ký hiệu không thể hiện trong cột này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

(*) Mã trong các khoanh đất này theo mã đã được thể hiện trên bản đồ HTSDĐ xây dựng từ kết quả kiểm kê đất đai

9.1. KÝ HIỆU THỂ HIỆN LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ CẤP QUỐC GIA (Tiếp)

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU	
	HIỆN TRẠNG ¹	QUY HOẠCH
Đất danh lam thắng cảnh		
Đất bãi thải, xử lý chất thải		
Các loại đất phi nông nghiệp còn lại *		
Đất chưa sử dụng		
Ranh giới đất khu công nghệ cao		
Ranh giới đất khu kinh tế		
Ranh giới đất đô thị		
Sông, suối, hồ, ao		
Kênh, mương		

9.2. KÝ HIỆU THỂ HIỆN LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ CẤP TỈNH

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG ¹	QUY HOẠCH	
		CẤP TRÊN PHÂN BỐ	CẤP TỈNH XÁC ĐỊNH/ XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất trồng lúa			
Đất chuyên trồng lúa nước			
Đất trồng cây hàng năm khác			
Đất trồng cây lâu năm			
Đất rừng phòng hộ			
Đất rừng đặc dụng			
Đất rừng sản xuất			
Đất nuôi trồng thủy sản			
Đất làm muối			
Các loại đất nông nghiệp còn lại *			
Đất quốc phòng			
Đất an ninh			
Đất khu công nghiệp			
Đất khu chế xuất			
Đất cụm công nghiệp			

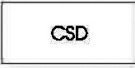
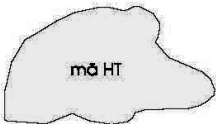
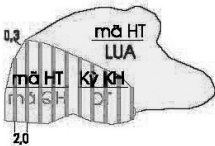
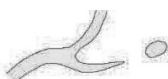
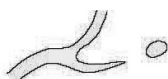
Ghi chú: (1) Các ký hiệu không thể hiện trong cột này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

(*) Mã trong các khoanh đất này theo mã đã được thể hiện trên bản đồ HTSDĐ xây dựng từ kết quả kiểm kê đất đai

9.2. KÝ HIỆU THỂ HIỆN LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ CẤP TỈNH (Tiếp)

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG ¹	QUY HOẠCH	
		CẤP TRÊN PHÂN BỐ	CẤP TỈNH XÁC ĐỊNH/ XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất thương mại, dịch vụ	DHT		mã HT TMD
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			mã HT SKC
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản			mã HT SKS
Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh		mã HT DHT	mã HT DHT
Đất có di tích lịch sử - văn hóa		mã HT DDT	mã HT DDT
Đất danh lam thắng cảnh		mã HT DDL	mã HT DDL
Đất bãi thải, xử lý chất thải		mã HT DRA	mã HT DRA
Đất ở tại nông thôn			mã HT ONT
Đất ở tại đô thị			mã HT ODT
Đất xây dựng trụ sở cơ quan			mã HT TSC
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp			mã HT DTS
Đất xây dựng cơ sở ngoại giao			mã HT DNG
Đất cơ sở tôn giáo			mã HT TON
Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			mã HT NTD
Các loại đất phi nông nghiệp còn lại *			

9.2. KÝ HIỆU THỂ HIỆN LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ CẤP TỈNH (Tiếp)

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG ¹	QUY HOẠCH	
		CẤP TRÊN PHÂN BỐ	CẤP TỈNH XÁC ĐỊNH/ XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất chưa sử dụng			
Ranh giới đất khu công nghệ cao			
Ranh giới đất khu kinh tế			
Ranh giới đất đô thị			
Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp			
Ranh giới khu lâm nghiệp			
Ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học			
Ranh giới khu phát triển công nghiệp			
Ranh giới khu đô thị			
Ranh giới khu thương mại - dịch vụ			
Ranh giới khu dân cư nông thôn			
Khoanh đất thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất Kỳ KH - Kỳ kế hoạch sử dụng đất 5 năm DT - Diện tích thực hiện trong kỳ kế hoạch			
Sông, suối, hồ, ao			
Kênh, mương			
Đập			

9.3. KÝ HIỆU THỂ HIỆN LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ CẤP HUYỆN

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG ¹	QUY HOẠCH	
		CẤP TRÊN PHẦN BỐ	CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH/ XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất trồng lúa			
Đất chuyên trồng lúa nước			
Đất trồng cây hàng năm khác			
Đất trồng cây lâu năm			
Đất rừng phòng hộ			
Đất rừng đặc dụng			
Đất rừng sản xuất			
Đất nuôi trồng thủy sản			
Đất làm muối			
Đất nông nghiệp khác			
Đất quốc phòng			
Đất an ninh			
Đất khu công nghiệp			
Đất khu chế xuất			

Ghi chú: (1) Các ký hiệu không thể hiện trong cột này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

9.3. KÝ HIỆU THỂ HIỆN LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ CẤP HUYỆN (Tiếp)

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG ¹	QUY HOẠCH	
		CẤP TRÊN PHÂN BỐ	CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH/ XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất cụm công nghiệp	DHT		
Đất thương mại, dịch vụ			
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản			
Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp xã			
Đất có di tích lịch sử - văn hóa			
Đất danh lam thắng cảnh			
Đất bãi thải, xử lý chất thải			
Đất ở tại nông thôn			
Đất ở tại đô thị			
Đất xây dựng trụ sở cơ quan			
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp			
Đất xây dựng cơ sở ngoại giao			
Đất cơ sở tôn giáo			

9.3. KÝ HIỆU THỂ HIỆN LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ CẤP HUYỆN (Tiếp)

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG ¹	QUY HOẠCH	
		CẤP TRÊN PHÂN BỐ	CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH/ XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		mã HT NTD	mã HT NTD
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm			mã HT SKX
Đất sinh hoạt cộng đồng			mã HT DSH
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng			mã HT DKV
Đất cơ sở tín ngưỡng			mã HT TIN
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối			mã HT SON
Đất có mặt nước chuyên dùng			mã HT MNC
Đất phi nông nghiệp khác			mã HT PNK
Đất chưa sử dụng		CSD	
Ranh giới đất khu công nghệ cao		15,0 3,0 0,5	
Ranh giới đất khu kinh tế			
Ranh giới đất đô thị			
Ranh giới khu vực chuyên trồng lúa nước			
Ranh giới khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm			

9.3. KÝ HIỆU THỂ HIỆN LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ CẤP HUYỆN (Tiếp)

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU	
	HIỆN TRẠNG ¹	QUY HOẠCH
Ranh giới khu vực rừng phòng hộ		
Ranh giới khu vực rừng đặc dụng		
Ranh giới khu vực rừng sản xuất		
Ranh giới khu công nghiệp, cụm công nghiệp		
Ranh giới khu đô thị - thương mại - dịch vụ		
Ranh giới khu du lịch		
Ranh giới khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn		
Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất Năm ... - Năm kế hoạch DT - Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch		
Sông, suối, hồ, ao		
Kênh, mương		
Đập		

9.4. MÀU KÝ HIỆU LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

LOẠI ĐẤT	Mã	Thông số màu			
		Số màu	Red	Green	Blue
Đất phát triển hạ tầng	DHT	59	255	170	160
Ranh giới đất khu công nghệ cao	KCN	142	255	80	90
Ranh giới đất khu kinh tế	KKT	206	255	127	0
Ranh giới đất đô thị	KDT	245	255	30	252
Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp	KNN	2	255	252	110
Ranh giới khu lâm nghiệp	KLN	18	170	255	50
Ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	202	0	168	0
Ranh giới khu phát triển công nghiệp	KPC	55	255	170	160
Ranh giới khu đô thị	DTC	42	255	160	255
Ranh giới khu thương mại - dịch vụ	KTM	62	250	170	160
Ranh giới khu dân cư nông thôn	DNT	41	255	208	255
Ranh giới Khu vực chuyên trồng lúa nước	KVL	4	255	252	130
Ranh giới khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm	KVN	14	255	210	160
Ranh giới khu vực rừng phòng hộ	KPH	24	190	255	30
Ranh giới khu vực rừng đặc dụng	KDD	29	110	255	100
Ranh giới khu vực rừng sản xuất	KSX	19	180	255	180
Ranh giới khu công nghiệp, cụm công nghiệp	KKN	55	250	170	160
Ranh giới khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	245	255	30	252
Ranh giới khu du lịch	KDL	207	0	255	255
Ranh giới khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	40	255	180	255

9.5. MẪU XÁC NHẬN BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT CẤP QUỐC GIA

TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI Times New Roman B (3,5 mm)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN Times New Roman B (3,5 mm)
..... ngày .. tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) TỔNG CỤC TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)	 ngày .. tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) THỦ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)

20 mm

100 mm

100 mm

9.6. MẪU XÁC NHẬN VÀ KÝ DUYỆT BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP QUỐC GIA

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Times New Roman B (3,5 mm)	TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI Times New Roman B (3,5 mm)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN Times New Roman B (3,5 mm)
..... ngày tháng năm Times New Roman (3,5 mm) BỘ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)	 ngày tháng năm Times New Roman (3,5 mm) TỔNG CỤC TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)	 ngày tháng năm Times New Roman (3,5 mm) THỦ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)

20 mm

100 mm

100 mm

9.7. MẪU XÁC NHẬN VÀ KÝ DUYỆT BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)... Times New Roman B (3,5 mm) , ngày ..tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) CHỦ TỊCH Times New Roman B (3 mm)	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Times New Roman B (3,5 mm) , ngày ..tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) GIÁM ĐỐC Times New Roman B (3 mm)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN Times New Roman B (3,5 mm) , ngày ..tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) THỦ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)
--	---	---

20 mm

100 mm

100 mm

9.8. MẪU XÁC NHẬN VÀ KÝ DUYỆT BẢN ĐỒ QUY HOẠCH/KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Times New Roman B (3,5 mm)	UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)... Times New Roman B (3,5 mm)	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Times New Roman B (3,5 mm)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN Times New Roman B (3,5 mm)
....., ngày tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) BỘ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)	, ngày tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) CHỦ TỊCH Times New Roman B (3 mm)	, ngày tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) GIÁM ĐỐC Times New Roman B (3 mm)	, ngày tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) THỦ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)

20 mm

100 mm

100 mm

9.9. MẪU XÁC NHẬN VÀ KÝ DUYỆT BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

UBND HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)... Times New Roman B (3,5 mm)	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Times New Roman B (3,5 mm)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN Times New Roman B (3,5 mm)
....., ngày ..tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) CHỦ TỊCH Times New Roman B (3 mm)	, ngày ..tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) TRƯỞNG PHÒNG Times New Roman B (3 mm)	, ngày ..tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) THỦ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)

20 mm

100 mm

100 mm

9.10. MẪU XÁC NHẬN VÀ KÝ DUYỆT BẢN ĐỒ QUY HOẠCH/ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)... Times New Roman B (3,5 mm) ngày .. tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) CHỦ TỊCH Times New Roman B (3 mm)	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH (TP)... Times New Roman B (3,5 mm) ngày .. tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) GIÁM ĐỐC Times New Roman B (3 mm)	UBND HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)... Times New Roman B (3,5 mm) ngày .. tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) CHỦ TỊCH Times New Roman B (3 mm)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN Times New Roman B (3,5 mm) ngày .. tháng năm..... Times New Roman (3,5 mm) THỦ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)
---	--	--	---

20 mm

100 mm

100 mm